

Bản án số: 53/2017/DS-PT
Ngày 25 - 7 - 2017
V/v tranh chấp hội, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều
Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hội, vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị A, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thúy B, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Quốc C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thúy B, sinh năm 1979.

(Bà A, bà B và ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị A và bị đơn bà Trần Thúy B thống nhất có giao dịch vay tài sản và tham gia hội do bà A làm chủ; theo đó các khoản nợ bà A và bà B thống nhất gồm: Ngày 02/6/2013 (ngày 09/7/2013 dương lịch) bà B vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, khi cho vay không có làm biên

nhận, hiện nay bà B chưa trả. Ngày 02/01/2014 (ngày 01/02/2014 dương lịch) bà B vay 36.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, khi cho vay có làm biên nhận, hiện nay tiền vốn vay bà B chưa trả. Ngày 12/01/2014 (ngày 11/02/2014 dương lịch) bà B vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, khi vay không có làm giấy tờ, hiện nay bà B chưa trả tiền vốn vay. Ngày 16/01/2014 (ngày 15/02/2014 dương lịch) bà B vay 30.000.000 đồng, giao tiền 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, khi cho vay không có làm biên nhận, hiện nay tiền vốn bà B chưa trả. Ngày 17/9/2015 (ngày 29/10/2015 dương lịch) bà B vay 20.000.000 đồng, cho vay không tính lãi, khi vay có làm biên nhận nợ, hiện nay bà B chưa trả. Bà B nợ hụi chết của hai chung hụi ngày 20/9/2015 (ngày 01/11/2015 dương lịch) số tiền 134.000.000 đồng, chung hụi ngày 12/10/2015 (ngày 23/11/2015 dương lịch) số tiền 29.000.000 đồng, chung hụi ngày 20/5/2013 (ngày 27/6/2013 dương lịch) số tiền 6.000.000 đồng, chung hụi ngày 06/01/2013 (ngày 15/02/2013 dương lịch) số tiền 4.000.000 đồng, tiền thiếu tính đến tháng 9 năm 2015 là 201.260.000 đồng. Tổng cộng nợ vay và nợ hụi số tiền 495.260.000 đồng.

Các khoản nợ bà Trần Thúy B không thừa nhận nợ theo yêu cầu của bà Lê Thị A gồm: Tiền vay ngày 06/01/2014 (ngày 05/02/2014 dương lịch) bà A xác định bà B vay của bà 40.000.000 đồng, cho vay hai lần, lần đầu 30.000.000 đồng, lần hai 10.000.000 đồng, lãi suất vay là 10%/tháng, khi cho vay có làm biên nhận. Tiền nợ hụi ngày 25/7/2016 (ngày 27/8/2016 dương lịch) bà A yêu cầu bà B trả số tiền 18.000.000 đồng và tiền thỏa thuận đối trừ với bà K 20.000.000 đồng, tổng số tiền 38.000.000 đồng, bà B chỉ thừa nhận tiền hụi 13.000.000 đồng và nợ đối trừ 20.000.000 đồng, tổng số tiền 33.000.000 đồng. Tiền nợ dây hụi ngày 26/01/2014 (ngày 25/02/2014 dương lịch) bà A yêu cầu bà B trả số tiền 128.000.000 đồng, bà B chỉ thừa nhận số tiền 80.000.000 đồng. Dây hụi ngày 12/01/2015 (ngày 02/03/2015 dương lịch) bà A yêu cầu số tiền 104.000.000 đồng, bà B chỉ thừa nhận số tiền 26.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà A xác định ngày 29/01/2014 âm lịch (ngày 28/02/2014 dương lịch) bà B có nhận cổ của bà một phần đất với số tiền 400.000.000 đồng, bà B đã giao cho bà số tiền 370.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng chưa giao; bà B thừa nhận lời trình bày của bà A nhưng bà B xác định bà đã trả 30.000.000 đồng còn lại cho bà A xong; tuy nhiên bà A không yêu cầu bà B trả khoản tiền này, nếu sau này có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bà B ở một vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Quốc C trình bày: Việc giao dịch hụi và vay tài sản giữa vợ ông là bà Trần Thúy B với bà Lê Thị A như thế nào thì ông không rõ, nếu bà B có nợ bà A thì ông đồng ý cùng bà B trả nợ cho bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 290, 471, 474 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A yêu cầu bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C trả số tiền 805.260.000 đồng.

Buộc bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị A số tiền 674.260.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Lê Thị A đối với số tiền 243.440.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, điều kiện thi hành án, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, bị đơn bà Trần Thúy B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không đồng ý trả cho bà Lê Thị A tiền vay 40.000.000 đồng và yêu cầu xem xét lại tiền lãi 259.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Trần Thúy B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Đề nghị, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thúy B, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến

phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thúy B kháng cáo không đồng ý trả cho bà Lê Thị A tiền vay 40.000.000 đồng và yêu cầu xem xét lại tiền lãi 259.000.000đ đồng bà đã trả bà A.

[2] Ngày 06/01/2014, bà Lê Thị A xác định cho bà Trần Thúy B vay số tiền 40.000.000 đồng, bà Trần Thúy B không thừa nhận khoản vay này. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thúy B ngày 18/10/2016 (bút lục số 39) thì bà Trần Thúy B thừa nhận ngày 06/01/2014 bà có vay của bà Lê Thị A số tiền 40.000.000 đồng, tiền vốn hiện nay chưa trả và tại biên nhận nợ (bút lục số 06) thể hiện nội dung "...hỏi ngày 06-1 30.000.000 đồng, hỏi ngày 06-1 10.000.000 đồng...", tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thúy B thừa nhận chữ ký và nội dung của biên nhận nợ (bút lục số 06) là đúng chữ ký của bà và đúng nội dung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị A đối với khoản vay ngày 06/01/2014 số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Bà Trần Thúy B xác định bà đã đóng lãi cho bà Lê Thị A số tiền 259.000.000 đồng, việc bà đóng lãi cho bà Lê Thị A không có làm giấy tờ, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bà Trần Thúy B không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã đóng lãi cho bà Lê Thị A số tiền 259.000.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bà Trần Thúy B đã đóng lãi cho bà Lê Thị A với số tiền 25.000.000 đồng theo sự thừa nhận của bà Lê Thị A là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thúy B cung cấp tờ biên nhận ngày 21/12/2015, nội dung thể hiện bà A có nhận của bà B số tiền 230.000.000 đồng và bà A cũng thừa nhận bà có nhận 230.000.000 đồng nhưng nhận tiền vào năm 2013 là tiền cố đất. Bà B thừa nhận ngoài giao dịch hụi và tiền vay giữa bà với bà A có giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất. Bà B xác định số tiền 230.000.000 đồng có 201.000.000 đồng là trả tiền hụi và phần còn lại là trả tiền lãi nhưng bà B không chứng minh được trả cho khoản hụi nào và trả lãi cho khoản vay nào. Vì cả hai bên thống nhất xác định trước đó cũng có giao dịch hụi và đã thực hiện xong. Xét thấy, biên nhận không thể hiện nhận tiền cho giao dịch nào? Tại phiên tòa chị B cũng không chứng minh được việc bà A nhận tiền là trả cho giao dịch nào nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B đối trừ số tiền trên vào khoản có vay và tiền hụi của bà B đối với bà A. Đối với tờ biên nhận này, nếu chị B chứng minh được các bên có thực hiện giao dịch khác thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thúy B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thúy B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thúy B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A đối với bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C đòi nợ hộ và tiền vay.

Buộc bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C trả cho bà Lê Thị A số tiền 674.260.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Lê Thị A đối với bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C đòi số tiền 243.440.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thúy B và ông Đặng Quốc C chịu 30.970.400 đồng.

Bà Lê Thị A chịu 6.550.000 đồng. Bà Lê Thị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.730.500 đồng theo biên lai thu số 0004959 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được trừ án phí 6.550.000 đồng. Bà Lê Thị A được hoàn lại số tiền 15.180.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thúy B chịu 200.000 đồng. Bà Trần Thúy B đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng, theo biên lai thu số

00063222 ngày 27/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TCDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P(01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều